

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **199/2023/HNGĐ-ST**
Ngày 29-9-2023
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Hưng

Ông Châu Hoàng Huy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Yên Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Trân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 về việc Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Thanh P, sinh năm 1989 (có mặt).

ĐKKHKT: Ấp 7, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Tạm trú: Ấp 6, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 7, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Chí M, sinh năm 1990 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Trần Mỹ H, sinh năm 1994 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 6, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Thanh P trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Đỗ Thị T tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 15/11/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng luôn bất đồng ý kiến trong sinh hoạt hàng ngày và trong việc tính toán làm ăn. Vợ chồng không có tiếng nói chung nên không hòa hợp, không có sự tôn trọng, chia sẻ và nhường nhịn nhau. Mâu thuẫn kéo dài ngày càng gay gắt không thể hòa giải hàn gắn được nên đã ly thân vào ngày 10/01/2023 âm lịch. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Trần Thị Mỹ Thơ (nữ) sinh ngày 29/8/2011 và Trần Thanh Phú (nam) sinh ngày 05/11/2019 hiện đang sống chung với bà T. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trần Thanh Phú, đồng ý giao cháu Trần Thị Mỹ Thơ cho bà T nuôi dưỡng, không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Có 08 chỉ vàng 24K được cha mẹ cho trong ngày cưới và số vàng tạo lập được trong quá trình chung sống gồm 01 bộ vòng xi men 14 chiếc nặng 07 chỉ vàng 18K, 01 lắc tay vàng 18K nặng 25 chỉ, 01 nhẫn vàng 18K nặng 03 chỉ, 01 dây chuyền 10 chỉ vàng 24K, 01 dây chuyền 05 chỉ vàng 24K, 01 lắc tay 05 chỉ vàng 24K. Nguồn tiền mua sắm vàng có từ việc vợ chồng tham gia hội và ông kinh doanh cây kiểng. Ngoài ra còn có số tiền 130.000.000 đồng có được do tham gia hội. Tổng cộng tài sản chung của vợ chồng ông là 35 chỉ vàng 18K, 28 chỉ vàng 24K và số tiền 130.000.000 đồng. Tại phiên tòa ông xác định vợ chồng tự thỏa thuận phân tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ bà Trần Mỹ H số tiền 150.000.000 đồng và nợ ông Nguyễn Chí M số tiền 70.000.000 đồng. Hiện nay ông đã trả xong các khoản nợ này nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Đỗ Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Thống nhất lời trình bày của ông P về việc bà và ông P tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn. Bà đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung như ông P trình bày. Hiện nay các con đang sống chung với bà. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con, yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi mỗi người con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Gồm 07 chỉ vàng 24K và đôi bông tai 05 phân vàng 18K do cha mẹ chồng cho trong ngày cưới nhưng vào khoảng tháng 6/2011, vợ chồng mâu thuẫn dẫn đến ly thân 03 năm nên bà đã bán hết số vàng để chi phí sinh con và nuôi con.

Về các tài sản mà ông P trình bày gồm 01 bộ vòng xi men 14 chiếc nặng 07 chỉ vàng 18K, 01 lắc tay vàng 18K nặng 25 chỉ, 01 nhẫn vàng 18K nặng 03 chỉ, 01 dây chuyền 10 chỉ vàng 24K, 01 dây chuyền 05 chỉ vàng 24K, 01 lắc tay 05 chỉ vàng 24K bà xác định không có.

Về số tiền 130.000.000 đồng tham gia hội đã miễn do bà Phan Thị Ánh Gương làm chủ hội thì bà đưa ông P 110.000.000 đồng để mua 20 chỉ vàng 24K, còn lại số tiền 20.000.000 đồng đã dùng để chi tiêu cho gia đình trong ngày tết. Đến ngày 12/01/2023, bà đưa ông P 20 chỉ vàng 24K để kinh doanh cây kiềng, khi đưa vàng có sự chứng kiến của con chung là Mỹ Thơ. Tại phiên tòa bà xác định vợ chồng tự thỏa thuận phần tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có nợ chung, bà không biết các khoản nợ của bà Trần Mỹ H và ông Nguyễn Chí M.

Tại Đơn yêu cầu ngày 12/6/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Mỹ H trình bày: Trong thời gian chung sống vợ chồng ông Trần Thanh P và bà Đỗ Thị T có mượn của bà số tiền 150.000.000 đồng, nay vợ chồng ông P bà T ly hôn nên yêu cầu Tòa án xem xét buộc ông P, bà T trả cho bà số tiền 150.000.000 đồng. Đến ngày 07/9/2023 bà H nộp đơn xin rút toàn bộ yêu cầu và xin vắng mặt khi xét xử vụ án.

Tại Đơn yêu cầu ngày 12/6/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chí M trình bày: Trong thời gian chung sống vợ chồng ông Trần Thanh P và bà Đỗ Thị T có mượn của ông số tiền 70.000.000 đồng, nay vợ chồng ông P bà T ly hôn nên yêu cầu Tòa án xem xét buộc ông P, bà T trả cho ông số tiền 70.000.000 đồng. Đến ngày 10/9/2023 ông M nộp đơn xin rút toàn bộ yêu cầu và xin vắng mặt khi xét xử vụ án.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến con chung ngày 12/6/2023 thể hiện cháu Trần Thị Mỹ Thơ có nguyện vọng sống chung với bà T.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình, về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Thanh P, về con chung: giao con chung là Trần Thị Mỹ Thơ sinh ngày 29/8/2011 và Trần Thanh Phú sinh ngày 05/11/2019 cho bà T nuôi dưỡng, ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi, về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét, về án phí: áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Mỹ H, ông Nguyễn Chí M có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, bị đơn yêu rút yêu cầu phản tố, thống nhất không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, rút yêu cầu phản tố của bị đơn là tự nguyện nên được chấp nhận. Phần yêu cầu đã rút của nguyên đơn, bị đơn sẽ được đình chỉ giải quyết, đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân:

Ông Trần Thanh P và bà Đỗ Thị T tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 15/11/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau nên quan hệ hôn nhân giữa ông P và bà T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Ông P yêu cầu được ly hôn với bà T do mâu thuẫn vợ chồng gay gắt, trầm trọng đến mức không thể hàn gắn, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục. Bà T đồng ý ly hôn với ông P. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa ông P và bà T đã trầm trọng, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông P về việc xin ly hôn với bà T.

[4] Về con chung: Có 02 người con chung tên Trần Thị Mỹ Thơ (nữ) sinh ngày 29/8/2011 và Trần Thanh Phú (nam) sinh ngày 05/11/2019 hiện đang sống chung với bà T. Tại biên bản ghi ý kiến con chung ngày 12/6/2023, cháu Trần Thị Mỹ Thơ có nguyện vọng sống chung với bà T. Đối với cháu Phú hiện nay còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của chu đáo của người mẹ. Trên cơ sở xem xét điều kiện để phát triển về mọi mặt của con chung và nguyện vọng của con chung từ đủ 07 tuổi trở lên, đồng thời không làm thay đổi cuộc sống đã ổn định của các cháu nên Hội đồng xét xử quyết định giao hai con chung là Trần Thị Mỹ Thơ và Trần Thanh Phú cho bà T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi mỗi người con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Xét thấy yêu cầu của bà T là chính đáng, nhằm có điều kiện tốt hơn để nuôi dưỡng hai con, đây vừa là quyền lợi của các con đồng thời cũng là nghĩa vụ của ông P theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T về phần cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Ông P trình bày có các khoản nợ chung gồm nợ bà Trần Mỹ H số tiền 150.000.000 đồng và nợ ông Nguyễn Chí M số tiền 70.000.000 đồng. Bà T xác định không biết các khoản nợ này. Bà Trần Mỹ H, ông Nguyễn Chí M có yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án xem xét buộc ông P, bà T trả các khoản nợ nhưng sau đó đã rút toàn bộ yêu cầu. Việc rút toàn bộ yêu cầu độc lập của bà H, ông M

trên tinh thần tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà H, ông M. Bà H, ông M được quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

[7] Từ những phân tích trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về quan hệ hôn nhân và nuôi con chung là có căn cứ nên chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm:

Ông P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về việc yêu cầu ly hôn và án phí về phân cấp dưỡng, phần tạm ứng án phí về yêu cầu chia tài sản được nhận lại.

Bà T, bà H, ông M được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Thanh P xin ly hôn với bà Đỗ Thị T.

- Về con chung: Giao hai cháu Trần Thị Mỹ Thơ (nữ) sinh ngày 29/8/2011 và Trần Thanh Phú (nam) sinh ngày 05/11/2019 cho bà T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Trần Thanh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Thị Mỹ Thơ sinh ngày 29/8/2011 và Trần Thanh Phú sinh ngày 05/11/2019, mức cấp dưỡng cho mỗi cháu một tháng bằng 1.000.000 (một triệu) đồng. Hình thức cấp dưỡng hàng tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/9/2023) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu về chia tài sản chung của ông Trần Thanh P và bà Đỗ Thị T, yêu cầu của bà Trần Mỹ H về việc yêu cầu ông Trần Thanh P và bà

Đỗ Thị T trả số tiền 150.000.000 đồng, yêu cầu của ông Nguyễn Chí M yêu cầu ông Trần Thanh P và bà Đỗ Thị T số tiền 70.000.000 đồng. Ông Trần Thanh P, bà Đỗ Thị T, bà Trần Mỹ H, ông Nguyễn Chí M được khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

- Về án phí:

Ông Trần Thanh P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng và án phí về phần cấp dưỡng 300.000 đồng, tổng án phí phải chịu là 600.000 đồng. Ông P đã nộp tạm ứng án phí 5.556.000 (năm triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0011156 ngày 08/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau được đối trừ, ông P được nhận lại 4.956.000 (bốn triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn) đồng.

Bà Đỗ Thị T đã nộp tạm ứng án phí 1.322.500 (một triệu ba trăm hai mươi hai nghìn năm trăm) đồng theo biên lai thu tiền số 0011241 ngày 12/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

Bà Trần Mỹ H đã nộp tạm ứng án phí 3.750.000 (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0011242 ngày 12/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

Ông Nguyễn Chí M đã nộp tạm ứng án phí 1.750.000 (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0011243 ngày 12/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông P, bà T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà H, ông M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Ý